

Số: 36/TB-KL

Tuy Đức, ngày 20 tháng 9 năm 2019

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

**1. Tổ chức có tài sản đấu giá:** Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

**2. Tài sản đấu giá gồm:**

\* **Lâm sản:** 36,470 m<sup>3</sup> (Ba mươi sáu phẩy bốn bảy mươi mét khối) gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ nhóm III đến nhóm VIII và 10,600 Ster củi nhóm VIII

**3. Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá:**

**Tổng tiền: 72.595.000 đồng.** Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng. (Kèm Biên bản định giá khởi điểm TSTT bán sung quỹ Nhà nước ngày 18/9/2019)

**4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản bao gồm:**

- a. Có cơ sở, vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá tài sản;
- b. Phương án đấu giá tài sản khả thi, hiệu quả;
- c. Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản;
- d. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp theo quy định hiện hành;
- đ. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp hoặc Sở Tư pháp tại nơi đơn vị đăng ký công bố;
- e. Ngoài các tiêu chí nêu trên, Bộ hồ sơ năng lực của Tổ chức đấu giá bao gồm:

- Bản sao chứng thực đăng ký kinh Doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập có ngành nghề kinh doanh phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Bản cam kết của tổ chức đấu giá về tiến độ thực hiện tổ chức đấu giá; cam kết về thời gian đăng thông báo đấu giá trên các báo - đài theo quy định.

- Số lượng đấu giá viên, kèm theo bằng cấp chuyên môn;

- Các cam kết khác (nếu có);

**5. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:** Từ ngày 20/9/2019 đến 17 giờ ngày 26/9/2019.

Địa chỉ: Bộ phận Hành chính tổng hợp, Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức –Thôn 1, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông; Số điện thoại: 02612 229 170.

Lưu ý: Nộp trực tiếp (không nhận hồ sơ qua đường bưu điện), Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được Hạt Kiểm lâm lựa chọn.

**Nơi nhận:**

- Trang TTĐT của CCKL Đắk Nông;
- Sở Tư pháp (bttp.stp@daknong.gov.vn);
- Lãnh đạo Hạt;
- Lưu: hồ sơ.

**PHÓ HẠT TRƯỞNG**



**Lê Đắc Thành**



## BIÊN BẢN

### Về việc định giá khởi điểm tài sản tịch thu bán sung quỹ Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức về việc kiện toàn Hội đồng xử lý, định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc quy định giá các loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Biên bản số 05/BB-XĐCL ngày 18/9/2019 về việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại giá trị tang vật đã tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Hôm nay, ngày 18 tháng 9 năm 2019. Tại Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Chúng tôi gồm:

#### I/ Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức:

- Ông : Lê Đắc Thành - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng.
- Bà: Lê Thị Hồng Nhung - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### II/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tuy Đức:

- Bà: Mạnh Thị Thanh Tâm - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### III/ Phòng Tư pháp huyện Tuy Đức:

- Ông: Trịnh Trọng Thành - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### IV/ Phòng NN & PTNT huyện Tuy Đức:

- Ông: Hồ Đức Giáp - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

Đã cùng nhau thống nhất xác định mức giá khởi điểm số lâm sản bán sung công quỹ Nhà nước theo các Quyết định đã ban hành tịch thu năm 2019; cụ thể như sau (có bảng kê chi tiết kèm theo):

**\* Lâm sản: 36,470 m<sup>3</sup> gỗ tròn, gỗ xẻ từ nhóm III đến nhóm VIII; 10,600 Ster củi nhóm VIII.**

STT	Nhóm gỗ	Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Gỗ xẻ</b>	<b>6,781</b>	<b>9.666.411</b>
1	Nhóm III	0,311	1.040.776
2	Nhóm V-VIII	6,470	8.625.635
<b>II</b>	<b>Gỗ tròn</b>	<b>29,689</b>	<b>56.621.931</b>
1	Nhóm III	1,617	4.608.340
2	Nhóm V-VIII	28,072	52.013.591

<b>III</b>	<b>Các loại gỗ khác</b>	<b>10,600</b>	<b>6.307.000</b>
1	Củi nhóm VIII	10,600	6.307.000
<b>Tổng gỗ tròn, gỗ xẻ (I+II)</b>		<b>36,470</b>	<b>66.288.342</b>
<b>Tổng các loại gỗ khác (III)</b>		<b>10,600</b>	<b>6.307.000</b>
<b>Làm tròn</b>			<b>72.595.000</b>

**Tổng giá trị: 72.595.000 đồng . Bằng chữ: (Bảy mươi hai triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn).**

Biên bản kết thúc cùng ngày, đã thông nội dung; hội đồng thống nhất và ký tên./.

**HẠT KIỂM LÂM**

**PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH**


**Lê Thị Hồng Nhung**

**Lê Đắc Thành**



**Mạnh Thị Thanh Tâm**

**PHÒNG TƯ PHÁP**

**PHÒNG NN&PTNT**



**Trịnh Trọng Thành**



**Hồ Đức Giáp**



Số: 05/BB- XDCL

Tuy Đức, ngày 18 tháng 9 năm 2019

## BIÊN BẢN

### Về việc xác định tỷ lệ chất lượng còn lại giá trị tang vật đã tịch thu bán sung quỹ Nhà nước

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức về việc kiện toàn Hội đồng xử lý, định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước;

Căn cứ các Quyết định tịch thu tang vật sung quỹ Nhà nước đã ban hành năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu sung quỹ Nhà nước,

Căn cứ tình trạng thực tế tại thời điểm.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 18/9/2019. Tại Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức. Hội đồng đánh giá chất lượng gồm có:

#### I/ Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức:

- Ông : Lê Đắc Thành - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng.
- Bà: Lê Thị Hồng Nhung - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### II/ Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tuy Đức:

- Bà: Mạnh Thị Thanh Tâm - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### III/ Phòng Tư pháp huyện Tuy Đức:

- Ông: Trịnh Trọng Thành - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

#### IV/ Phòng NN & PTNT huyện Tuy Đức:

- Ông: Hồ Đức Giáp - Chức vụ: Thành viên hội đồng.

Đã cùng nhau thống nhất đánh giá chất lượng lâm sản tịch thu bán sung công quỹ Nhà nước theo các biên bản kiểm tra, Quyết định đã ban hành tịch thu năm 2019, cụ thể như sau:

**\* Lâm sản: 36,470 m<sup>3</sup> gỗ tròn, gỗ xẻ từ nhóm III đến nhóm VIII**

**- Gỗ xẻ: 6,781 m<sup>3</sup>**

Gỗ Bằng lăng	Nhóm III	KL: 0,104 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 65%.
Gỗ Bình linh	Nhóm III	KL: 0,207 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ SP	Nhóm V	KL: 0,377 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 65%.

Gỗ SP	Nhóm V	KL: 3,571 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 30%.
Gỗ SP	Nhóm VIII	KL: 2,522 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 60%.
<b>- Gỗ tròn: 29,689 m<sup>3</sup></b>			
Gỗ Bằng lăng	Nhóm III	KL: 1,353 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 75%.
Gỗ Bằng lăng	Nhóm III	KL: 1,070 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ Bình linh	Nhóm III	KL: 0,264 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ SP	Nhóm V	KL: 6,034 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 75%.
Gỗ Phay	Nhóm VI	KL: 4,069 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ SP	Nhóm VI	KL: 4,370 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 70%.
Gỗ SP	Nhóm VIII	KL: 13,599 m <sup>3</sup>	Chất lượng còn lại: 65%.

**\* Các loại gỗ khác:**

Củ nhóm VIII: 10,600 Ster, đang sử dụng tốt

Do khối lượng gỗ tích thu trên là gỗ tròn, gỗ hộp có khối lượng lớn, khi phát hiện đã là gỗ cũ, không có kho bảo quản mà phải để ngoài trời, bị tác động thời tiết nắng, mưa trong thời gian dài. Vì vậy, gỗ bị cong, vênh, nứt nẻ nhiều..... làm giảm chất lượng.

Biên bản kết thúc lúc 15 giờ 30 phút cùng ngày, được thông qua nội dung đánh giá chất lượng, hội đồng nhất trí nội dung và cùng ký tên./.

**HẠT KIỂM LÂM**

**PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH**


**Lê Thị Hồng Nhung**

**Lê Đức Thành**



**Mạnh Thị Thanh Tâm**

**PHÒNG TƯ PHÁP**

**PHÒNG NN&PTNT**



**Trịnh Trọng Thành**



**Hồ Đức Giáp**



## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ TÀI SẢN TỊCH THU**

(Kèm theo biên bản định giá khởi điểm số 05/BB-ĐG ngày 18/9/2019)

STT	Tên tài sản	Khối lượng (m <sup>3</sup> )/Ster	% chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng)	Tổng giá trị (đồng)	Nơi bảo quản	Biên bản VPHC		Quyết định xử lý	
							Số	Ngày	Số	Ngày
<b>A</b>	<b>GỖ NHÓM III</b>	<b>1,928</b>			<b>5.649.116</b>					
1	Gỗ tròn Bằng lăng nhóm III	0,283	75%	4.400.000	933.900	Trạm KLDB Đắc Zên	000662	09/06/2019	000345	10/07/2019
2	Gỗ xẻ Bằng lăng nhóm III	0,104	65%	7.040.000	475.904	Trạm KLDB Đắc Zên	000663	09/06/2019	000346	10/07/2019
3	Gỗ tròn Bằng lăng nhóm III	0,616	70%	4.400.000	1.897.280					
4	Gỗ tròn Bằng lăng nhóm III	0,454	70%	4.400.000	1.398.320	Trạm KLDB Đắc Zên	000664	09/06/2019	000347	10/07/2019
5	Gỗ tròn Bình linh nhóm III	0,264	70%	2.050.000	378.840					
6	Gỗ xẻ Bình linh nhóm III	0,064	70%	5.280.000	236.544					
7	Gỗ xẻ Bình linh nhóm III	0,143	70%	3.280.000	328.328					
<b>B</b>	<b>GỖ NHÓM V - VIII</b>	<b>34,542</b>			<b>60.639.226</b>					
1	Gỗ xẻ SP nhóm V	0,377	65%	4.000.000	980.200	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000022	26/05/2019	000419	30/05/2019
2	Gỗ xẻ SP nhóm VIII	0,029	60%	3.136.000	54.566					
3	Gỗ xẻ SP nhóm V	0,596	30%	4.000.000	715.200	Trạm KLDB Đắc Ngo	000019	08/05/2019	000297	10/06/2019
4	Gỗ xẻ SP nhóm V	2,975	30%	2.448.000	2.184.840					
5	Gỗ tròn Phay nhóm VI	4,069	70%	2.050.000	5.839.015	Trạm KLDB Đắc Ngo	002482	20/05/2019	000299	21/06/2019
6	Gỗ xẻ SP nhóm VIII	2,493	60%	3.136.000	4.690.829	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	002483	29/05/2019	000300	01/07/2019
7	Gỗ tròn SP nhóm VI	0,785	70%	3.500.000	1.923.250	Trạm KLDB Đắc Zên	000662	09/06/2019	000345	10/07/2019
8	Gỗ tròn SP nhóm VIII	5,143	65%	1.960.000	6.552.182					
9	Gỗ tròn SP nhóm VIII	8,456	65%	1.960.000	10.772.944	Trạm KLDB Đắc Zên	000663	09/06/2019	000346	10/07/2019
10	Gỗ tròn SP nhóm VI	1,685	70%	2.000.000	2.359.000	Trạm KLDB Đắc Zên	000665	09/06/2019	000348	10/07/2019
11	Gỗ tròn SP nhóm VI	1,900	70%	3.500.000	4.655.000					
12	Gỗ tròn SP nhóm V	6,034	75%	4.400.000	19.912.200	Trạm KLDB Quảng Trục	000644	09/06/2019	000349	10/07/2019
<b>C</b>	<b>Các loại gỗ khác</b>	<b>10,600</b>			<b>6.307.000</b>					
1	Củi nhóm VIII	8,000		595.000	4.760.000	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	000021	13/05/2019	000374	15/05/2019
2	Củi nhóm VIII	2,600		595.000	1.547.000	Hạt Kiểm lâm Tuy Đức	001625	15/05/2019	000298	17/06/2019

STT	Tên tài sản	Khối lượng (m3)/Ster	% chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng)	Tổng giá trị (đồng)	Nơi bảo quản	Biên bản VPHC		Quyết định xử lý	
							Số	Ngày	Số	Ngày
	Cộng lâm sản	36,470			66.288.342					
	Cộng củi các loại	10,600			6.307.000					
<b>Tổng cộng</b>					<b>72.595.342</b>					
<b>Làm tròn</b>					<b>72.595.000</b>					

Số tiền ghi bằng chữ: (Bảy mươi hai triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Tuy Đức, ngày 18 tháng 9 năm 2019

**Phòng Nông nghiệp & PTNT**



**Hồ Đức Giáp**

**Phòng Tài chính - Kế hoạch**



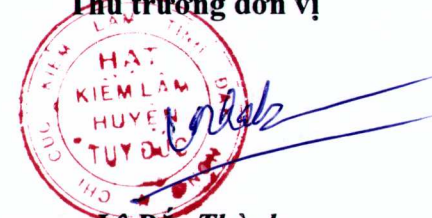
**Mạnh Thị Thanh Tâm**

**Kê toán**



**Lê Thị Hồng Nhung**

**Thủ trưởng đơn vị**



**Lê Đức Thành**